

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH SHL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH SHL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHL BUSINESS AND MANUFACTURING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110432309

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3, ngõ 9, thôn Bến Trung, Xã Bắc Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988778883

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4631        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;<br>- Bán buôn thủy sản;<br>- Bán buôn rau, quả;<br>- Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè;<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.                                                                                                                                            | 4632        |
| 3.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ uống có cồn<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4633(Chính) |
| 4.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4634        |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4641        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651 |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: - Bán buôn thiết bị bán dẫn;<br>- Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng);<br>- Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;<br>- Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến;<br>- Bán buôn đầu đĩa CD, DVD.                                                                | 4652 |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4653 |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659 |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9633 |
| 13. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                                                                                              | 4711 |
| 14. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                                                                                                                                                                | 4719 |
| 15. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4721 |
| 16. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4722 |
| 17. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ uống có cồn: Rượu mạnh, rượu vang, bia;<br>- Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...;<br>- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác                                            | 4723 |

|     |                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh              | 4724 |
| 19. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                    | 1101 |
| 20. | Sản xuất rượu vang                                                               | 1102 |
| 21. | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                               | 1103 |
| 22. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ | 4781 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                   | 4933 |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                      | 5210 |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                 | 5610 |

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên                 | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN SCENT HERITAGE |           | Số 82 ngõ 197, phố Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.500.000.000         | 50,000    | 0109933389                                                                                              |         |
| 2   | NGUYỄN PHƯƠNG LAI              | Việt Nam  | Số 5, hẻm 81/30/8, tổ 15, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | 2.500.000.000         | 50,000    | 001083021288                                                                                            |         |

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN PHƯƠNG LAI

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 17/09/1983      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083021288

Ngày cấp: 20/12/2016      Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Số 5, hẻm 81/30/8, tổ 15, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 5, hẻm 81/30/8, tổ 15, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội